

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1725/2025/DS-ST

Ngày: 26/12/2025

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Lưu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Bá Chương
2. Bà Trịnh Thị Mỹ Huệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hoa, là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2025, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1652/2023/TLST-DS ngày 27 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3962/2025/QĐXXST-DS ngày 04/11/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 4548/2025/QĐST-DS ngày 28/11/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q

Địa chỉ: số B đường L, phường H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1995

Địa chỉ liên hệ: số A - A N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

(Giấy ủy quyền số 116/2023/UQ-NCB ngày 10/7/2023).

Bị đơn:

1. Ông Trần Xuân T, sinh năm 1977
2. Bà Trịnh Thị Ngọc T1, sinh năm 1981

Địa chỉ: số E Đường D, Khu phố H, phường H, thành phố T (nay là Khu phố D, phường H), Thành phố Hồ Chí Minh (ông T, bà T1 vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/7/2023, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q, có người đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị U trình bày:

Ngày 12/4/2019, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q (sau đây viết tắt là N) có ký với khách hàng ông Trần Xuân T và bà Trịnh Thị Ngọc T1 hợp đồng cho vay kiêm khế ước nhận nợ số 390/19/HĐCV-9315, với nội dung NCB cho ông T, bà T1 vay số tiền 1.018.000.000 đồng, thời hạn vay 84 tháng; mục đích vay: thanh toán tiền mua xe ô tô; lãi suất vay: kể từ ngày giải ngân cho đến ngày 12/4/2020 là 8,5%/năm, sau đó lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần và LSV bằng lãi suất cơ sở + 3,7%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; lãi suất chậm trả lãi: bằng 10%/năm (365 ngày) tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; kỳ hạn trả lãi vay: 01 tháng, tính từ ngày trả lãi vay đầu tiên; ngày trả lãi vay đầu tiên: 25/4/2019; các ngày trả lãi tiếp theo ngày 25 hàng tháng.

Trả nợ gốc: 01 tháng/kỳ; trong vòng 84 kỳ; lần trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 25/4/2019 số tiền 12.120.000 đồng.

Để đảm bảo cho hợp đồng vay trên, ông T, bà T1 có thể chấp tài sản là chiếc xe ô tô nhãn hiệu Ford, số chỗ ngồi 05; số khung: MPBUMFE60KX196284, số máy: YN2QX196284; biển số 51G-935.45, theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 285/19/HĐTC-9315 ngày 12/4/2019 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 01/PLHĐ/385/19/HĐTC-9315. Tài sản bảo đảm đã được đăng ký thế chấp tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 12/4/2019.

Thực hiện hợp đồng, ngày 12/4/2019, N đã giải ngân số tiền 1.018.000.000 đồng cho bị đơn vay bằng hình thức chuyển tiền vào tài khoản 0071005048808 của Công ty cổ phần C tại Ngân hàng TMCP N1 – chi nhánh Thành phố H, theo đề nghị của ông T, bà T1.

Sau khi được giải ngân, ông T, bà T1 đã thanh toán cho N được số tiền 571.334.852 đồng, trong đó nợ gốc là 351.480.000 đồng, nợ lãi 219.854.852 đồng và ngưng thanh toán từ ngày 27/9/2021.

Do ông T, bà T1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q khởi kiện yêu cầu ông Trần Xuân T và bà Trịnh Thị Ngọc T1 phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 26/12/2025 là: 1.195.891.603 đồng, trong đó nợ gốc là 665.520.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 206.065.132 đồng, nợ lãi quá hạn là 266.492.877 đồng, nợ lãi chậm trả lãi là 56.813.594 đồng và tiền lãi tiếp tục phát sinh theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay kiêm khế ước nhận nợ số 390/19/HĐCV-9315 kể từ ngày 27/12/2025 cho đến khi ông T, bà T1 thanh toán xong khoản nợ cho N.

- Trường hợp ông T, bà T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ việc trả nợ cho N, yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp ô tô số 385/19/HĐTC-9315 ngày 12/4/2019 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 01/PLHĐ/385/19/HĐTC-9315 để đảm bảo thi hành án.

Tài sản thế chấp gồm: 01 xe ô tô Ford, số chỗ ngồi 05; số khung MPBUMFE60KX196184, số máy YN2QX196284, biển số 51G-935.45, theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 452963 do Phòng C1 - Công an Thành phố H cấp ngày 10/4/2019.

- Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mãi tài sản đảm bảo không đủ để thu hồi nợ, ông Trần Xuân T, bà Trịnh Thị Ngọc T1 có nghĩa vụ thanh toán tiếp số tiền nợ.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q xác nhận, hiện nay NCB chỉ giữ bản chính giấy Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 452963, còn chiếc xe do ông T, bà T1 quản lý, sử dụng.

Tại bản tự khai ngày 05/4/2024, bị đơn ông Trần Xuân T trình bày:

Thừa nhận ông và bà Trịnh Thị Ngọc T1 có ký kết hợp đồng tín dụng với NCB đúng như đại diện nguyên đơn trình bày. Thực hiện hợp đồng, ngân hàng đã giải ngân đủ số tiền vay cho ông bà bằng hình thức chuyển tiền vào tài khoản 0071005048808 của Công ty cổ phần C tại Ngân hàng TMCP N1 – chi nhánh Thành phố H, theo đề nghị của ông và bà T1. Do sau khi vay vốn kinh tế gặp khó khăn nên ông và bà T1 chỉ trả nợ gốc, nợ lãi được một thời gian. Ông đồng ý trả nợ theo yêu cầu của NCB nhưng đề nghị gia hạn về thời gian thanh toán.

Ông Trần Xuân T vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Bị đơn bà Trịnh Thị Ngọc T1 đã được Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, đồng thời triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được và không ghi nhận được ý kiến của bà T1.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và giữ nguyên các yêu cầu, ý kiến đã trình bày; Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và diễn biến tại phiên tòa đã được Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh và Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện đúng quy trình thủ tục theo quy định của pháp luật; tuy nhiên, vẫn còn

vi phạm Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về thời hạn chuẩn bị xét xử; về thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự, nguyên đơn chấp hành các quyền và nghĩa vụ của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của đương sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; ông Trần Xuân T, bà Trịnh Thị Ngọc T1 có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q số tiền 1.195.891.603 đồng, trong đó nợ gốc: 666.520.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 206.065.132 đồng; nợ lãi quá hạn: 266.492.877 đồng; nợ lãi chậm trả lãi: 56.813.594 đồng và thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 27/12/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho N theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Kể từ ngày ông Trần Xuân T, bà Trịnh Thị Ngọc T1 thanh toán toàn bộ số tiền nợ trên cho N thì N có trách nhiệm giải chấp tài sản đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp ô tô số 385/19/HĐTC-9315 ngày 12/4/2019 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 01/PLHĐ/385/19/HĐTC-9315.

Trường hợp ông Trần Xuân T, bà Trịnh Thị Ngọc T1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán thì N có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp nêu trên để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2] Thẩm quyền giải quyết: Bị đơn cư trú tại phường H, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về thủ tục xét xử vắng mặt đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn đã tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng quy định. Tuy nhiên do bận công việc nên có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn, đã được triệu tập tham gia phiên tòa ngày 28/11/2025 nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử phải hoãn phiên tòa. Sau khi hoãn phiên tòa, Tòa án tiếp tục triệu tập bị đơn tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 2 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét lời khai của nguyên đơn phù hợp với lời khai của bị đơn ông Trần Xuân T và Hợp đồng cho vay kiêm khế ước nhận nợ số 309/19/HĐCV-9315 ngày 12/4/2019, có căn cứ xác định nguyên đơn và bị đơn đã phát sinh giao dịch vay tài sản có thể chấp tài sản bảo đảm thực hiện nghĩa vụ. Thực hiện hợp đồng, ngày 12/4/2019, nguyên đơn đã giải ngân số tiền 1.018.000.000 đồng cho bị đơn bằng hình thức chuyển tiền vào tài khoản 0071005048808 của Công ty cổ phần C tại Ngân hàng TMCP N1 – chi nhánh Thành phố H, theo đề nghị của bên vay. Thời hạn của hợp đồng là 84 tháng, lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 8,5%/năm, sau đó được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần và lãi suất vay bằng lãi suất cơ sở + 3,7%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Căn cứ lời khai của đại diện nguyên đơn phù hợp với thông báo thu hồi nợ trước hạn do N đã gửi cho bị đơn có cơ sở xác định sau khi được giải ngân số tiền theo hợp đồng tín dụng thì bị đơn chỉ thanh toán số tiền 571.334.852 đồng, trong đó nợ gốc: 351.480.000 đồng, nợ lãi: 219.854.852 đồng. Đến nay bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền gốc 666.520.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 26/12/2025 là 529.371.603 đồng, gồm lãi trong hạn 206.065.132 đồng, lãi quá hạn 266.492.877 đồng và nợ lãi chậm trả lãi 56.813.594 đồng.

[2.2] Bị đơn ông Trần Xuân T thừa nhận khoản vay và đề nghị nguyên đơn gia hạn thời gian để tìm biện pháp trả nhưng vắng mặt tại phiên tòa và không giao nộp chứng cứ chứng minh về việc đã thanh toán tiền vay cho nguyên đơn. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ lời khai của đại diện nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để xem xét đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về mức lãi suất: Quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã áp dụng đúng mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng và phù hợp với quy định của pháp luật.

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền nợ gốc và tiền lãi theo thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay kiêm khế ước nhận nợ số 390/19/HĐCV-9315 ngày 12/4/2019 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; ông Trần Xuân T, bà Trịnh Thị Ngọc T1 có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q số tiền 1.195.891.603 đồng, trong đó nợ gốc là 665.520.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 206.065.132 đồng, nợ lãi quá hạn là 266.492.877 đồng, nợ lãi chậm trả lãi là 56.813.594 đồng và tiền lãi tiếp tục phát sinh theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay kiêm khế ước nhận nợ số 390/19/HĐCV-9315 kể từ ngày 27/12/2025 cho đến khi ông T, bà T1 thanh toán xong khoản nợ cho N.

[3] Về yêu cầu phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ vay: Xét, khi ký kết hợp đồng tín dụng hai bên đã thỏa thuận thế chấp tài sản là chiếc xe ô tô nhãn hiệu Ford, số chỗ ngồi 05; số khung: MPBUMFE60KX196284, số máy: YN2QX196284; biển số 51G-935.45, để bảo đảm cho khoản vay, theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 285/19/HĐTC-9315 ngày 12/4/2019 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 01/PLHĐ/385/19/HĐTC-9315.

Xét, các tài sản bảo đảm đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật, đã phát sinh hiệu lực nên yêu cầu phát mãi tài sản của nguyên đơn là có căn cứ, được chấp nhận. Vì vậy trường hợp bị đơn không thanh toán

tiền nợ vay hoặc thanh toán không đầy đủ thì nguyên đơn được quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp bảo đảm cho khoản vay để thu hồi nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp, đúng quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền: 2.000.000 (hai triệu) đồng, do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận; nên ông Trần Xuân T, bà Trịnh Thị Ngọc T1 phải chịu; được pháp luật quy định tại Khoản 1 Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Khoản 1, Khoản 2 Điều 269; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 463, Điều 464, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 3, Điều 100, Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014).

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q.

1.1. Ông Trần Xuân T, bà Trịnh Thị Ngọc T1 có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q số tiền 1.195.891.603 (một tỷ một trăm chín mươi lăm triệu tám trăm chín mươi một ngàn sáu trăm lẻ ba) đồng, gồm: nợ gốc 666.520.000 đồng, nợ lãi trong hạn 206.065.132 đồng, nợ lãi quá hạn 266.492.877 đồng và nợ lãi chậm trả lãi 56.813.594 đồng.

Về tiền lãi: Ông Trần Xuân T, bà Trịnh Thị Ngọc T1 phải chịu tiền lãi phát sinh trên số tiền chưa thanh toán tính từ ngày 27/12/2025 cho đến khi thanh toán toàn bộ số tiền nợ theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay kiêm khế ước nhận nợ số 390/19/HĐCV-9315 ngày 12/4/2019.

1.2. Trường hợp ông Trần Xuân T, bà Trịnh Thị Ngọc T1 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ hoặc thực hiện không đầy đủ, thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là 01 xe ô tô Ford, số

chỗ ngồi 05; số khung MPBUMFE60KX196184, số máy YN2QX196284, biển số 51G-935.45, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 452963 do Công an Thành phố H cấp ngày 10/4/2019; theo hợp đồng thế chấp ô tô số 385/19/HĐTC-9315 ngày 12/4/2019 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 01/PLHĐ/385/19/HĐTC-9315, để đảm bảo thi hành án cho Ngân hàng.

1.3. Trường hợp phát mãi tài sản thế chấp vẫn không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông Trần Xuân T, bà Trịnh Thị Ngọc T1 phải thanh toán số nợ còn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số tiền nợ.

1.4. Kể từ ngày ông Trần Xuân T, bà Trịnh Thị Ngọc T1 thanh toán đủ số tiền nợ vay theo Hợp đồng cho vay kiêm khế ước nhận nợ số 390/19/HĐCV-9315 ngày 12/4/2019 cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q thì Ngân hàng có trách nhiệm giao trả cho ông T, bà T1 bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 452963 do Phòng C1 - Công an Thành phố H cấp cho ông Trần Xuân T ngày 10/4/2019.

2. Về chi phí tố tụng: Ông Trần Xuân T, bà Trịnh Thị Ngọc T1 có trách nhiệm hoàn trả số tiền 2.000.000 (hai triệu) đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Xuân T, bà Trịnh Thị Ngọc T1 phải nộp 47.876.748 (bốn mươi bảy triệu tám trăm bảy mươi sáu ngàn bảy trăm bốn mươi tám) đồng, mỗi người phải nộp 23.938.374 (hai mươi ba triệu chín trăm ba mươi tám ngàn ba trăm bảy mươi bốn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 18.780.938 (mười tám triệu bảy trăm tám mươi ngàn chín trăm ba mươi tám) đồng theo biên lai thu tiền số AA/2023/0005474 ngày 25/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh).

4. Quyền và thời hạn kháng cáo, kháng nghị:

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều

7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND TP . HCM;
- VKSND KV2 - TP . HCM;
- THADS TP. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quốc Lưu